TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 332/2023/TLST-DS ngày 18/7/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp BT, xã LH, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7-, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 03/7/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Phú C trình bày:

Ông Nguyễn Phú C và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim P là bạn bè quen biết nhau.

Ngày 20/6/2022, giữa ông Nguyễn Phú C và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim P có ký kết hợp đồng vay tài sản. Nội dung: Ông C cho ông H và bà P vay số tiền 600.000.000 đồng, không tính lãi suất. Thời hạn vay theo hợp đồng là 07 tháng từ ngày 20/6/2022 đến 20/01/2023. Đến hạn phải trả nợ, ông H và bà P có xin gia hạn và ông C đồng ý đến ngày 20/6/2023 mới phải trả số tiền nêu trên. Ngoài ra, hai bên thoả thuận số tiền cho vay, ông C chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Khu phố x4, phường mp, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (con ruột của ông H và bà P). Số tiền 600.000.000 đồng được ông C chuyển 02 lượt vào số tài khoản 616178888 của bà Nguyễn Thị Ngọc H tại Ngân hàng TMCP Á Châu: Lần 01 vào lúc 15 giờ 26 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 400.000.000 đồng; Lần 02 vào lúc 15 giờ 28 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 200.000.000 đồng.

Giấy mượn tiền này cũng do con gái ruột ông H và bà P là Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp viết. Cuối giấy mượn tiền bên người vay ông H và bà P là người trực tiếp ký tên và ghi họ tên đầy đủ của mình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà P chưa trả cho ông C bất kỳ khoản tiền nào. Hiện tại, ông H và bà P còn nợ ông C số tiền 600.000.000 đồng. Hết hạn trả nợ ngày 20/6/2023 đến nay, ông C đã liên hệ ông H và bà P yêu cầu trả nợ số tiền nêu trên, nhưng ông H và bà P vẫn không có phương án trả nợ.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Phú C yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P liên đới trả số tiền 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ngày 31/8/2023, nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 5.000.000 đồng. Lý do: Ngày 12/7/2023, ông H và bà P có trả cho ông C số tiền 5.000.000 đồng.

Tiếp đó, ngày 28/9/2023, nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 100.000.000 đồng. Lý do: Ngày 07/9/2023, ông H và bà P có trả tiếp cho ông C số tiền 100.000.000 đồng.

Do đó, tính đến ngày ngày 28/9/2023, ông H và bà P đã trả cho ông C tổng số tiền 105.000.000 đồng và còn nợ số tiền 495.000.000 đồng. Vì vậy, nay nguyên đơn ông Nguyễn Phú C chỉ yêu cầu Toà án buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P liên đới trả số tiền 495.000.000 đồng, không yêu cầu các bị đơn trả tiền lãi phát sinh từ số tiền này.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Giấy vay tiền ngày 20/6/2022 (bản phô tô); Sao kê ngân hàng (bản chính); Giấy vay tiền ngày 20/6/2022 (bản phô tô); 02 Giấy chụp giao dịch chuyển tiền thành công cùng ngày 20/6/2022 (bản phô tô); Căn cước công dân mang tên Nguyễn Phú C (bản sao); Sổ hộ khẩu do Nguyễn Phú C đứng tên chủ hộ (bản phô tô).

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Bà P thống nhất lời trình bày của nguyên đơn ông C về thời gian ký kết hợp đồng vay, các thoả thuận hợp đồng cũng như số tiền còn nợ. Ngày 20/6/2022, giữa ông Nguyễn Phú C và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim P có ký kết hợp đồng vay tài sản. Nội dung: Ông C cho ông H và bà P vay số tiền 600.000.000 đồng, không tính lãi suất. Thời hạn vay theo hợp đồng là 07 tháng từ ngày 20/6/2022 đến 20/01/2023. Đến hạn phải trả nợ, ông H và bà P có xin gia hạn và ông C đồng ý đến ngày 20/6/2023 mới phải trả số tiền nêu trên. Ngoài ra, hai bên thoả thuận số tiền vay, ông C chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Ngọc H (con ruột của ông H và bà P). Số tiền 600.000.000 đồng được ông C chuyển 02 lượt vào số tài khoản 616178888 của bà Nguyễn Thị Ngọc H tại Ngân hàng TMCP Á Châu: Lần 01 vào lúc 15 giờ 26 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 400.000.000 đồng; Lần 02 vào lúc 15 giờ 28 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này, bà H đã chuyển toàn bộ cho ông H và bà P ngay sau khi ông C chuyển. Bà H không có liên quan gì đến số tiền này.

Giấy mượn tiền này, do con gái ruột của ông H và bà P là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trực tiếp viết. Cuối giấy mượn tiền bên người vay ông H và bà P là người trực tiếp ký tên và ghi họ tên đầy đủ của mình. Bà P xác nhận có nợ ông C 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện tại kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông H và bà P không có khả năng trả toàn bộ ngay số tiền 600.000.000 đồng cho ông C. Bà P xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P trả số tiền 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà P đồng ý.

Bà P không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

Sau ngày 21/7/2023, bà P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các giai đoạn tố tụng cũng như việc cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn bà P vẫn không đến làm việc, không uỷ quyền cho ai đến Toà án tham gia tố tụng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

3. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc H: Ông H và bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo bổ sung người tham gia tố tụng; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông H và bà H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông H và bà H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú C và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thựuc hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Toá án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ đối với số tiền 105.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc các bị đơn ông H và bà P phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/6/2022 được xác lập giữa ông Nguyễn Phú C với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Các bị đơn ông H và bà P có địa chỉ thường trú: Khu phố X4, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Căn nhà A7, đường D1, E, khu phố X6, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Phú C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các bị đơn ông H, bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.4] Nguyên đơn ông Nguyễn Phú C xác định số tiền vay là tài sản riêng của ông, ông C yêu cầu Toà án không đưa vợ ông C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Toà án không đưa vợ ông C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông H, bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp chứng cứ gì. Vì vậy, Các bị đơn ông H, bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H xem như là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Toà án nhận được 02 Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 31/8/2023 đối với số tiền 5.000.000 đồng và ngày 28/9/2023 đối với số tiền 100.000.000 đồng. Lý do: Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, ngày 12/7/2023, ông H và bà P có chuyển trả cho ông C số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 07/9/2023, ông H và bà P có trả tiếp cho ông C số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 105.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với số tiền vay 105.000.000 đồng.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 20/6/2022 thể hiện: "Chúng tôi gồm ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P có vay của ông Nguyễn Phú C số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 20/6/2022 đến 20/01/2023. Lãi suất 0%. Hình thức giao nhận tiền: Chuyển khoản đến số tài khoản 616178888 của bà Nguyễn Thị Ngọc H (con ruột của ông H và bà P) tại Ngân hàng TMCP Á Châu".

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2023, bị đơn bà P thừa nhận có sự việc nguyên đơn ông C cho ông H và bà P vay số tiền 600.000.000 đồng và nguyên đơn đã chuyển khoản đủ tiền vào số tài khoản 616178888 của bà Nguyễn Thị Ngọc H (con ruột của ông H và bà P) tại Ngân hàng TMCP Á Châu 02 lần: Lần 01 vào lúc 15 giờ 26 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 400.000.000 đồng; Lần 02 vào lúc 15 giờ 28 phút ngày 20/6/2022 với số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này, bà H đã chuyển toàn bộ cho ông H và bà P ngay sau khi ông C chuyển. Bà H không có liên quan gì đến số tiền này. Bà P cũng thừa nhận ở phần ký tên tại Giấy vay tiền ngày 20/6/2022 có chữ ký và ghi đầy đủ họ tên của ông H và bà P với tư cách "Người vay".

Ngoài ra, tại Văn bản sao kê tài khoản gửi khách hàng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 04/7/2023 thể hiện vào ngày 20/6/2022, ông C có thực hiện giao dịch chuyển khoản vào số tài khoản 616178888 với tổng số tiền 600.000.000 đồng. Nội dung chuyển: "Chuyển cho ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/8/1976, CMND số 280696864 mượn mua đất".

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định ngày 20/6/2022, ông C có cho ông H và bà P vay số tiền 600.000.000 đồng.

Theo Giấy vay tiền ngày 20/6/2022, các bên thoả thuận thời hạn các bị đơn ông H và bà P trả lại số tiền 600.000.000 đồng là ngày 20/01/2023. Tuy nhiên, hết hạn phải trả nợ, ông H và bà P có xin gia hạn bằng lời nói và ông C đồng ý gia hạn đến ngày 20/6/2023. Ông C thừa nhận có thoả thuận lại thời hạn trả nợ đúng như lời trình bày của bị đơn bà P. Đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, thời hạn cuối cùng các bị đơn phải trả số tiền nêu trên là ngày 20/6/2023 nhưng đến thời hạn trả nợ, các bị đơn ông H và bà P vẫn không thực hiện là các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, đối với số tiền vay 105.000.000 đồng, ông C xác nhận các bị đơn đã trả. Do đó, số tiền các bị đơn ông H và bà P còn nợ của nguyên đơn ông C là 495.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn ông H và bà P phải liên đới trả số tiền 495.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu các bị đơn phải thanh toán tiền lãi. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] Bị đơn bà P yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi

trả hết số nợ nêu trên nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, các bị đơn không thực hiện đầy đủ cam kết với nguyên đơn, không thanh toán tiền vay theo đúng thoả thuận giữa hai bên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của bị đơn bà P là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với số tiền 105.000.000 đồng, ý kiến của phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Đối với phần tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp sẽ được trả lại theo quy định. Các bị đơn ông H và bà P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú C đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Phú C số tiền 495.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng, người bị thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú C đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P về việc thanh toán số tiền vay 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P phải liên đới nộp số tiền 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Phú C số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011575 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Oanh